

Bản án số 30/2023/HSST

Ngày 28-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hoàng Đình Văn;

2- Bà Lê Thị Hương.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2023/TLST-HS ngày 28-11-2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HS ngày 15-12-2023 đối với các bị cáo:

1. Bàn Văn A; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 20 tháng 7 năm 1979 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bàn Văn Ph (Đã chết) và bà Bàn Thị T. Vợ là chị Đặng Thị Ch; bị cáo chưa có con. Hiện tại mẹ, vợ bị cáo sinh sống tại thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Trần Văn C; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 25 tháng 12 năm 1979 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn S- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn A và bà Phạm Thị H (Đều đã chết). Vợ là chị Lý Quỳnh Ch; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2007. Hiện tại vợ, con bị cáo sinh sống tại thôn S- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân Thân: Ngày 17-3-2017 Trần Văn C bị Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y xử phạt tiền về tội “Đánh bạc”, đến ngày phạm tội (03-3-2023) đã được xóa án tích. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Hoàng Văn T; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 02 tháng 8 năm 1988 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao

động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn C (Đã chết) và bà Vi Thị M. Vợ là chị Trương Thị V; bị cáo có ba con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018. Hiện tại mẹ, vợ, con bị cáo sinh sống tại thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Bàn Văn L; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 17 tháng 11 năm 1976 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bàn Văn K và bà Tạ Thị H (Đều đã chết). Vợ là chị Trương Thị Y; bị cáo có ba con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2006. Hiện tại vợ, con bị cáo sinh sống tại thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Hoàng Thị Th; Tên gọi khác: Không, Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1980 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn Th và bà Nguyễn Thị Ng. Chồng là anh Nguyễn Văn H (Đã ly hôn); bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2001. Hiện tại bố, mẹ, con bị cáo sinh sống tại thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân Thân: Ngày 17-3-2017 Hoàng Thị Th bị Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y xử phạt tiền về tội “Đánh bạc”, đến ngày phạm tội (03-3-2023) đã được xóa án tích. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Đặng Thị T; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 05 tháng 11 năm 1990 tại huyện YB- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn Ng- xã B- huyện YB- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đặng Văn H và bà Hoàng Thị B. Chồng là anh Triệu Văn Ch; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2013. Hiện tại bố, mẹ, chồng, con bị cáo sinh sống tại thôn Ng- xã B- huyện YB- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Nguyễn Thị N; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 04 tháng 4 năm 1963 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn Kh- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Q và bà Bàn Thị S (Đều đã chết). Chồng là anh Nông Văn Ng; bị cáo có bốn con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1993. Hiện tại chồng con bị cáo sinh sống tại thôn Kh- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Triệu Thị T1; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 09 tháng 8 năm 1968 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn Kh- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Triệu Văn Tr và bà Trương Thị Ch (Đều đã chết). Chồng là anh Vi Văn C; bị cáo có ba con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1993. Hiện tại chồng con bị cáo sinh sống tại thôn Kh- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Nguyễn Thị Ng; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 15 tháng 4 năm 1990 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn Kh- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn V (Đã chết) và bà Hoàng Thị X. Chồng là anh Lý Phúc Th; bị cáo có ba con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2022. Hiện tại mẹ, chồng con bị cáo sinh sống tại thôn Kh- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

10. Triệu Văn L; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 06 tháng 02 năm 1989 tại huyện YB- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn Kh- xã T.Ng- huyện YB- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Triệu Văn T và bà Hoàng Thị V. Vợ là chị Trương Thị Ch; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010. Hiện tại bố, mẹ, vợ, con bị cáo sinh sống tại thôn Kh- xã T.Ng- huyện YB- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

11. Triệu Văn N1; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1987 tại huyện YB- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn Ng- xã B- huyện YB- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Triệu Văn Đ (Đã chết) và bà Lý Thị Kh. Vợ là chị Hoàng Thị H; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012. Hiện tại mẹ, vợ, con bị cáo sinh sống tại thôn Ng- xã B- huyện YB- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

12. Triệu Văn Tr; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 01 tháng 02 năm 1979 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Triệu Văn Tr (Đã chết) và bà Hoàng Thị T. Vợ là chị Nông Thị L; bị cáo có ba con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2007. Hiện tại mẹ, vợ, con bị cáo sinh sống tại thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

13. Triệu Văn Tr1; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 07 tháng 01 năm 1994 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Triệu Văn S và bà Nguyễn Thị N. Vợ là chị Bàn Thị Ch; bị cáo có ba con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2020. Hiện tại bố mẹ, vợ, con bị cáo sinh sống tại thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

14. Hoàng Thị X; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 23 tháng 7 năm 1989 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn Th (Đã chết) và bà Đặng Thị Q. Chồng là anh Lý Văn Ú; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017. Hiện tại mẹ, chồng, con bị cáo sinh sống tại thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

15. Trương Thị Ch; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 17 tháng 4 năm 1984 tại huyện YB- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn Kh- xã T.Ng- huyện YB- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do. trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương Văn K và bà Nông Thị Nh. Chồng là Triệu Văn L; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010. Hiện tại bố, mẹ, chồng, con bị cáo sinh sống tại thôn Kh- xã T.Ng- huyện YB- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

16. Triệu Thị H. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 18 tháng 6 năm 1973 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn Ng- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Triệu Văn L và bà Nguyễn Thị P (Đều đã chết). Chồng là anh Hoàng Văn Th; bị cáo có bốn con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2004. Hiện tại chồng con bị cáo sinh sống tại thôn Ng- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Bàn Văn A, Hoàng Văn T, Bàn Văn L, Hoàng Thị Th, Đặng Thị T, Nguyễn Thị N, Triệu Thị T1, Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn N1, Triệu Văn L, Triệu Văn Tr, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Trương Thị Ch, Triệu Thị H:

Bà Nguyễn Thị Duy, ông Nông Đức Trung- Trợ giúp viên pháp lý; bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Y.

Người tham gia tố tụng khác

Người làm chứng:

1. Chị Lý Quỳnh Ch

Nơi cư trú: Thôn S- xã Tr T- huyện L- Y;

2. Anh Bùi Duy Kh

Nơi cư trú: Thôn Làng Th- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07-3-2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y nhận được đơn trình báo (nặc danh) của công dân xã Tr T- huyện L- tỉnh Y phản ánh về việc các đối tượng tổ chức đánh bạc và đánh bạc ngày 03-3-2023 tại đồi cây thuộc thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y. Quá trình điều tra, xác minh Cơ quan điều tra xác định:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 03-3-2023 Bàn Văn A, Hoàng Văn T, và Trần Văn C gặp nhau ở quán nước của bà Vi Thị M (Mẹ của T). Tại đây Ánh có nói nhà Triệu Văn O (Trú tại thôn G- xã Tr T) hôm nay tổ chức lễ thay tên cho con có đông người đến nên sau khi ăn cơm uống rượu xong thì tổ chức đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, C và T đồng ý. Cả ba người thống nhất: Á là người tìm địa điểm; rủ người đánh bạc; chuẩn bị công cụ đánh bạc gồm: 01 chiếc bát sứ; 01 chiếc đĩa sứ; 04 quân đóm bằng tre; 01 mảnh bạt trải để sử dụng đánh bạc. C sử dụng tiền phết thu được và tiền cá nhân ứng ra trước để làm vị trong xóc bạc; chuẩn bị 04 quân bài tú lơ khơ để làm vị. T sẽ là người thu phết; làm hồ lý trong xóc bạc. Á gọi điện cho Bàn Văn L đề nhờ xóc cái cho mọi người đánh bạc và trả tiền công là 200.000 đồng, L đồng ý. Kết thúc đánh bạc xem thắng thua thế nào thì Á, C, T sẽ chia tiền nhau.

Sau khi ăn cơm, uống rượu ở nhà Triệu Văn O xong, Á gặp và rủ Triệu Văn L, Trương Thị Ch cùng trú tại thôn Kh- xã T.Ng- huyện YB; Triệu Văn N1 trú tại thôn Ng- xã B- huyện YB- tỉnh Y; Triệu Văn Tr trú tại thôn G- xã Tr T- huyện L; Nguyễn Thị Ng, trú tại thôn Kh- xã Tr T, huyện L đi lên đồi cây của Lý Văn Q thuộc thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y để đánh bạc, các đối tượng này đồng ý. Á về nhà lấy các công cụ đưa cho T mang lên địa điểm đánh bạc. C ra quán tạp hóa của anh Bùi Duy Kh tại thôn Là- xã Tr T- huyện L mua bộ bài tú lơ khơ. Sau đó các đối tượng lên địa điểm đồi cây để tổ chức đánh bạc như đã thống nhất từ trước.

Thời điểm đó Nguyễn Thị N trú tại thôn Kh- xã Tr T- huyện L đi chợ nghe mọi người nói có đánh bạc nên tìm đến địa điểm đánh bạc để tham gia. Trên đường đi gặp Triệu Thị T1 trú tại thôn Kh- xã Tr T- nên N rủ T1 cùng đi, T1 đồng ý. Nguyễn Thị Ng gặp Hoàng Thị Th trú tại thôn G- xã Tr T và nói với Th có đánh bạc ở trên đồi cây nên Th cũng đi theo tham gia đánh bạc. Triệu Văn Tr1 trú tại thôn G- xã Tr T; Triệu Thị H trú tại thôn Ng- xã Tr T; Đặng Thị T trú tại thôn Ng- xã B- huyện YB- tỉnh Y nghe nói có đánh bạc nên cũng tìm đến tham gia. Hoàng Thị X trú tại thôn G- xã Tr T đang lao động trên đồi gần địa điểm đánh bạc biết có

người đánh bạc nên cũng đến tham gia. Tất cả các đối tượng đều đi bộ, riêng Bàn Văn L mượn xe mô tô BKS 21T4-2702 của chị Bàn Thị Nh trú tại thôn G- xã Tr T- huyện L đến địa điểm đánh bạc.

Trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến khoảng hơn 14 giờ ngày 03-3-2023, Bàn Văn A, Hoàng Văn T, Trần Văn C, Bàn Văn L đã tổ chức cho: Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị N, Triệu Thị T1, Hoàng Thị X, Đặng Thị T, Trương Thị Ch, Triệu Thị H, Triệu Văn Tr, Triệu Văn Tr1, Triệu Văn N1, Triệu Văn L đánh bạc. Bản thân Á, C, T, L cũng trực tiếp tham gia đánh bạc.

Các đối tượng đánh bạc bằng việc xóc đĩa (đặt cược chắn, lẻ; đặt vị) được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Người cầm cái cho 04 quân đóm tre vào một chiếc đĩa rồi dùng 01 chiếc bát úp lên chiếc đĩa rồi xóc, nếu kết quả mở bát có hai hoặc bốn quân đóm tre lật mặt cùng màu thì người đặt cửa chắn thắng, ngược lại nếu khi mở bát có một hoặc ba quân lật mặt màu đen hoặc trắng thì người đặt cửa lẻ thắng. Cách đánh vị, người làm bảng vị dùng 04 quân bài trong bộ tứ lơ khơ gồm 4 cơ, 4 tép, 3 cơ, 3 tép. Quy ước 4 cơ, 3 cơ tương đương quân đóm tre mặt màu trắng; 4 tép, 3 tép tương đương quân đóm tre mặt màu đen. Cả 4 quân tứ lơ khơ được rải trực tiếp lên chiếu bạc cho người đặt tiền trực tiếp lên quân bài. Nếu mở bát mà cả 4 quân đóm ngửa mặt màu trắng hoặc màu đen thì người đặt cược vị 4 cơ hoặc 4 tép thắng; nếu mở bát mà có 03 quân đóm ngửa màu đen hoặc trắng thì người đặt cược vị 3 cơ hoặc 3 tép thắng, đặt cửa vị khác là thua tiền cho nhà làm vị. Các đối tượng tham gia đánh bạc không quy định số tiền đặt cược thấp nhất và cao nhất là bao nhiêu, T và C sẽ là người cân bằng số tiền đặt cược cửa chắn, cửa lẻ, số tiền đặt cược vị sau đó trả tiền thắng thua cho người tham gia đánh bạc theo tỷ lệ đặt cược chắn, lẻ nếu thắng là “một ăn một”, đặt vị là “một ăn một trăm”, nếu thua mất số tiền đặt cược.

Khi tham gia đánh bạc Hoàng Văn T thu được 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tiền phé của những người tham gia đánh bạc nộp gồm: Trương Thị Ch 20.000 đồng; Triệu Văn L 50.000 đồng; Triệu Văn N1 50.000 đồng; Nguyễn Thị Ng 50.000 đồng; Hoàng Thị X 50.000 đồng; Triệu Thị T1 50.000 đồng; Hoàng Thị Th 50.000 đồng; Nguyễn Thị N 50.000 đồng; Đặng Thị T 30.000 đồng.

Quá trình điều tra các đối tượng khai mang tiền đi theo và sử dụng vào mục đích đánh bạc nhưng có người được, có người thua, số tiền luân luân chuyển từ đối tượng này sang đối tượng khác, cụ thể:

1. Hoàng Văn T trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), bị thua hết. Sau khi đánh bạc xong do C làm vị bị thua hết nên T đưa cho C 1.000.000 đồng là số tiền góp làm vị như thống nhất.

2. Bàn Văn L trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) và 200.000 đồng (hai trăm nghìn) tiền công xóc cái do Á trả, tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 700.000 đồng, bị thua hết.

3. Trần Văn C ứng số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tiền phé T thu được để làm vị trong xóc bạc; trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), tổng số tiền C dùng đánh bạc là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), bị thua hết.

4. Bàn Văn A trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), thắng 2.000.000 đồng. Tính cả số tiền gốc Á được 2.300.000 đồng. Sau khi đánh bạc do C làm vị bị thua hết nên Á đưa cho C 700.000 đồng là số tiền góp làm vị, còn 1.600.000 đồng Á cầm về chi tiêu cá nhân hết.

5. Nguyễn Thị Ng trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng), bị thua hết.

6. Hoàng Thị Th trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), bị thua hết.

7. Nguyễn Thị N trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng), bị thua hết.

8. Triệu Thị H trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng), bị thua hết.

9. Triệu Thị T1 trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), bị thua hết.

10. Hoàng Thị X trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bị thua hết.

11. Triệu Văn Tr trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), bị thua hết.

12. Triệu Văn Tr1 trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 300.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), bị thua hết.

13. Đặng Thị T trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 970.000 đồng (chín trăm bảy mươi nghìn đồng), thắng số tiền 1.830.000 đồng (một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng). Tính cả tiền gốc T cầm về số tiền là 2.800.000 đồng, đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền này.

14. Trương Thị Ch trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), thắng 1.800.000 đồng. Tính cả tiền gốc Ch cầm về 2.100.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

15. Triệu Văn L trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng), thắng 2.000.000 đồng. Tính cả tiền gốc L cầm về 2.550.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

16. Triệu Văn N1 trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), thắng 2.000.000 đồng. Tính cả tiền gốc N1 cầm về 2.450.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

Tổng số tiền các đối tượng nêu trên dùng để đánh bạc với nhau là 11.420.000 đồng (mười một triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Đối với các đồ vật là công cụ sử dụng để đánh bạc quá trình điều tra không thu giữ được. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ, tạm giữ tài sản là tiền của các cá nhân như sau:

- Nguyễn Thị Ng 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam gồm nhiều mệnh giá khác nhau;

- Triệu Văn Tr1 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam gồm nhiều mệnh giá khác nhau;

- Hoàng Thị X 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam gồm nhiều mệnh giá khác nhau;
- Hoàng Thị Th 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam gồm nhiều mệnh giá khác nhau;
- Nguyễn Thị N 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam gồm nhiều mệnh giá khác nhau;
- Triệu Thị T1 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam gồm nhiều mệnh giá khác nhau;
- Triệu Thị H 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- Triệu Văn Tr 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam gồm nhiều mệnh giá khác nhau;
- Hoàng Văn T 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- Trần Văn C 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam gồm nhiều mệnh giá khác nhau;
- Bàn Văn L 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam gồm nhiều mệnh giá khác nhau.

Đây là số tiền các cá nhân tự giác giao nộp tương ứng với số tiền đã sử dụng để đánh bạc ngày 03-3-2023.

- Thu giữ của Đặng Thị T 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam gồm nhiều mệnh giá khác nhau. Đây là số tiền Tâm tự giác giao nộp tương ứng với số tiền đã sử dụng để đánh bạc và số tiền thắng bạc ngày 03-3-2023.

Tổng số tiền thu giữ, tạm giữ là 9.350.000 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) được niêm phong theo quy định,

Tại Kết luận giám định số 360/KL-KTHS ngày 22-6-2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Y kết luận: Số tiền 9.350.000 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Triệu Thị T1, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị N, Triệu Thị H, Triệu Văn Tr, Đặng Thị T, Hoàng Văn T, Trần Văn C, Bàn Văn L gửi giám định đều là tiền thật, (Bút lục số 130-132).

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKS-LY ngày 24-11-2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y đã truy tố:

Các bị cáo Bàn Văn A, Trần Văn C, Hoàng Văn T và Bàn Văn L về tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 322 và khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo Hoàng Thị Th, Đặng Thị T, Nguyễn Thị N, Triệu Thị T1, Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn N1, Triệu Văn L, Triệu Văn Tr, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Trương Thị Ch, Triệu Thị H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh, T bố:

- Các bị cáo Bàn Văn A, Trần Văn C, Hoàng Văn T và Bàn Văn L phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”;

- Các bị cáo Hoàng Thị Th, Đặng Thị T, Nguyễn Thị N, Triệu Thị T1, Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn N1, Triệu Văn L, Triệu Văn Tr, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Trương Thị Ch, Triệu Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 1 điều 322; điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Bàn Văn A** từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Bàn Văn A từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điều 55 Bộ luật Hình sự; buộc Bàn Văn A phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội.

- Căn cứ điểm a khoản 1 điều 322; điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Trần Văn C** từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 38; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Văn C từ 07 tháng đến 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điều 55 Bộ luật Hình sự; buộc Trần Văn C phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội.

- Căn cứ điểm a khoản 1 điều 322; điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Hoàng Văn T** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Hoàng Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điều 55 Bộ luật Hình sự; buộc Hoàng Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội.

- Căn cứ điểm a khoản 1 điều 322; điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Bàn Văn L** từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Bàn Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điều 55 Bộ luật Hình sự; buộc Bàn Văn L phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Hoàng Thị Th** từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Đặng Thị T** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Nguyễn Thị N** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.
- Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Thị T1** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.
- Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Nguyễn Thị Ng** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.
- Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Văn Tr** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.
- Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Văn Tr1** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.
- Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Hoàng Thị X** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.
- Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Thị H** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.
- Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Văn N1** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.
- Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Văn L** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.
- Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trương Thị Ch** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung; miễn khấu trừ một phần thu nhập sung quỹ Nhà nước đối với 12 bị cáo này.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, T:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, số tiền do phạm tội mà có, gồm: Bàn Văn A 1.600.000 đồng; Trần Văn C 1.700.000 đồng; Trương Thị Ch 2.100.000 đồng; Triệu Văn L 2.550.000 đồng; Triệu Văn N1 2.450.000 đồng; Đặng Thị T 2.800.000 đồng.

- Trả lại cho các bị cáo số tiền đã bị thua khi tham gia đánh bạc nhưng tự giác giao nộp, gồm: Trần Văn C 600.000 đồng; Hoàng Văn T 500.000 đồng; Bàn Văn L 700.000 đồng; Triệu Văn Tr1 400.000 đồng; Nguyễn Thị N 950.000 đồng; Nguyễn Thị Ng 550.000 đồng; Hoàng Thị Th 1.350.000 đồng; Hoàng Thị X 300.000 đồng; Triệu Thị T1 750.000 đồng; Triệu Văn Tr 400.000 đồng; Triệu Thị H 50.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho 15 bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Buộc bị cáo Trần Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên toà sau khi khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, các bị cáo tỏ ra ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức án thấp nhất.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm:

- Về cơ bản đồng tình với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát.

- Về nhân thân: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh ra và lớn lên tại các thôn của xã đặc biệt khó khăn, trình độ dân trí rất thấp. Bản thân các bị cáo không có điều kiện học hành, nên sự hiểu biết về xã hội nói chung, kiến thức về pháp luật nói riêng còn rất nhiều hạn chế. Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự; tại địa phương luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về hoàn cảnh gia đình: Nguồn thu nhập chính của cả gia đình chủ yếu từ ruộng nương ít ỏi. Cuộc sống vô cùng khốn khó, điều kiện sinh hoạt tối thiểu hàng ngày rất thiếu thốn. Các bị cáo đều là trụ cột chính trong gia đình, một số bị cáo thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo, ngoài ra các bị cáo không có tài sản gì lại đông con và con các con còn rất nhỏ.

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo. Các bị cáo Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Triệu Thị T1, Nguyễn Thị N, Triệu Thị H, Trương Thị Ch, Triệu Văn L, Triệu Văn N1, Triệu Văn Tr, Đặng Thị T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo Bàn Văn A, Trương Thị Ch, Triệu Văn L và Triệu Văn N1 đã đầu thú về hành vi vi phạm của mình. Ngoài ra số tiền mà các bị cáo tham gia đánh bạc nhỏ.

Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định hình phạt đối với các bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS, xử phạt **Bàn Văn A** 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt Bàn Văn A 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS, xử phạt **Hoàng Văn T** 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt Hoàng Văn T 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS, xử phạt **Bàn Văn L** 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt Bàn Văn L 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS, xử phạt **Hoàng Thị Th** 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS, xử phạt **Trương Thị Ch, Triệu Văn L, Triệu Văn N1** 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36 BLHS, xử phạt các bị cáo **Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Triệu Thị T1, Nguyễn Thị N, Triệu Thị H, Triệu Văn Tr, Đặng Thị T**: 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc”.

Đề nghị HĐXX xem xét:

- Trả lại cho các bị cáo số tiền sử dụng khi tham gia đánh bạc bị thua hết nhưng đã nộp lại trong quá trình điều tra.
- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ.
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí sơ thẩm cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa cả 16 bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Xuất phát từ mục đích vụ lợi để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến hơn 14 giờ ngày 03-3-2023 Bàn Văn A, Trần Văn C, Hoàng Văn T và Bàn Văn L đã tổ chức đánh bạc tại đồi cây của ông Lý Văn Q thuộc thôn G- xã Tr T- huyện L- tỉnh Y.

Với hành vi thống nhất, phân công nhau tìm địa điểm, rủ người tham gia đánh bạc, chuẩn bị công cụ, nhờ người xóc cái, thu phé, làm vị trong xóc bạc để tổ chức cho 16 người đánh bạc trong cùng một lúc nêu trên của Bàn Văn A, Hoàng Văn T, Trần Văn C và hành vi xóc cái cho các đối tượng đánh bạc của Bàn Văn L với tổng số tiền dùng đánh bạc là 11.420.000 đồng đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Hành vi trực tiếp đặt cược chơi xóc đĩa được thua bằng tiền của Bàn Văn A, Hoàng Văn T, Trần Văn C, Bàn Văn L, Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Triệu Thị T1, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị N, Triệu Thị H, Trương Thị Ch, Triệu Văn L, Triệu Văn N1, Triệu Văn Tr, Đặng Thị T đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Mặc dù nhận thức rõ hành vi đánh bạc; tổ chức đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực

hiện. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y đã truy tố các bị cáo là có căn cứ. Cụ thể điều luật quy định như sau:

“Điều 321: Tội đánh bạc:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Điều 322: Tội tổ chức đánh bạc...

“1. Người nào tổ chức đánh bạc ... trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a). Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên...”

Đây là vụ án đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công, câu kết chặt chẽ, nhất thời do hám lợi nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi phạm tội. Xét vai trò của từng bị cáo trong việc tổ chức đánh bạc thấy rằng:

Bàn Văn A là người khởi xướng việc đánh bạc, tìm địa điểm, rủ người đánh bạc, chuẩn bị các công cụ phục vụ việc đánh bạc do đó Ánh giữ vai trò chính trong vụ án.

Trần Văn C là người chuẩn bị quân bài làm vị và ứng tiền làm vị; Hoàng Văn T là người thu phé, làm hồ lý trong xới bạc nên hai bị cáo này có vai trò sau Bàn Văn A.

Bàn Văn L là người được Ánh thuê xóc cái cho các đối tượng đánh bạc và được trả tiền công nên L phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm.

Xét về nhân thân:

Các bị cáo đều là những người lao động chưa có tiền án, tiền sự. Riêng 02 bị cáo Trần Văn C và Hoàng Thị Th năm 2017 đã bị Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y xử phạt tiền về tội “Đánh bạc”, mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cả 16 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Triệu Thị T1, Nguyễn Thị N, Triệu Thị H, Trương Thị Ch, Triệu Văn L, Triệu Văn N1, Triệu Văn Tr, Đặng Thị T là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên 11 bị cáo này được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi vụ án được phát giác Bàn Văn A, Trương Thị Ch, Triệu Văn L, Triệu Văn N1 đã ra đầu thú nên 04 bị cáo này được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo xét thấy nên có 1 mức án phù hợp.

Đối với tội “Tổ chức đánh bạc”: Các bị cáo Bàn Văn A, Trần Văn C, Hoàng Văn T và Bàn Văn L do bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội nên cần thiết phải cách ly 04 bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đối với tội “Đánh bạc”: Bị cáo Bàn Văn A có vai trò chính; bị cáo Trần Văn C có nhân thân xấu nên áp dụng hình phạt chính là tù có thời hạn. Bị cáo Hoàng Văn T và bị cáo Bàn Văn L có vai trò thứ yếu nên áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ.

Đối với các bị cáo Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Triệu Thị T1, Nguyễn Thị N, Triệu Thị H, Trương Thị Ch, Triệu Văn L, Triệu Văn N1, Triệu Văn Tr, Đặng Thị T phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi thường trú rõ ràng; Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa, không cần thiết phải cách ly 12 bị cáo này khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ cũng có thể giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người lao động nhất thời phạm tội.

Theo kết quả xác minh tại địa phương các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, công việc và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả 16 bị cáo; miễn khấu trừ một phần thu nhập sung quỹ nhà nước đối với các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ.

[3] Đối với những người có liên quan:

Chị Lý Quỳnh Ch trú tại thôn S- xã Tr T (Là vợ của Trần Văn C) quá trình điều tra xác định có mặt tại địa điểm đánh bạc nhưng không tham gia tổ chức đánh bạc hay đánh bạc; anh Lý Văn Q là chủ đôi cây nơi các đối tượng tổ chức đánh bạc và đánh bạc, quá trình điều tra xác định anh Q không biết các đối tượng tổ chức đánh bạc và đánh bạc ở đó, không được hưởng bất kỳ lợi ích gì; anh Bùi Duy Kh là người đã bán bộ bài tú lơ khơ cho Trần Văn C, quá trình điều tra xác định anh Kh không biết mục đích của C mua bộ bài để tổ chức đánh bạc và đánh bạc; chị Bàn Thị Nh là người cho Bàn Văn L mượn xe mô tô di chuyển đến địa điểm đánh bạc, quá trình điều tra xác định đây là phương tiện hợp pháp chị Nh sử dụng hàng ngày, chị Nh không biết L mượn sử dụng đi đến địa điểm tổ chức đánh bạc và đánh bạc, hiện nay xe mô tô chị Nh đang quản lý, sử dụng. Do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý những người này là phù hợp.

[4] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, số tiền do phạm tội mà có cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước, cụ thể như sau: Bàn Văn A 1.600.000 đồng; Trần Văn C 1.700.000 đồng (Là số tiền sau khi kết thúc đánh bạc Bàn Văn A và

Hoàng Văn T đưa cho Công); Trương Thị Ch 2.100.000 đồng; Triệu Văn L 2.550.000 đồng; Triệu Văn N1 2.450.000 đồng; Đặng Thị T 2.800.000 đồng.

- Đối với số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc ngày 03-3-2023 bị thua nhưng tự giác giao nộp trong quá trình điều tra cần trả lại cho các bị cáo, cụ thể như sau: Hoàng Văn T 500.000 đồng; Trần Văn C 600.000 đồng; Bàn Văn L 700.000 đồng; Triệu Văn Tr1 400.000 đồng; Nguyễn Thị N 950.000 đồng; Nguyễn Thị Ng 550.000 đồng; Hoàng Thị Th 1.350.000 đồng; Hoàng Thị X 300.000 đồng; Triệu Thị T1 750.000 đồng; Triệu Văn Tr 400.000 đồng; Triệu Thị H 50.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị cáo Trần Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. 15 bị cáo còn lại là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về tội danh, T bố:

- Các bị cáo Bàn Văn A, Trần Văn C, Hoàng Văn T và Bàn Văn L phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”;

- Các bị cáo Hoàng Thị Th, Đặng Thị T, Nguyễn Thị N, Triệu Thị T1, Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn N1, Triệu Văn L, Triệu Văn Tr, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Trương Thị Ch, Triệu Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

2- Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 322; điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Bàn Văn A** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Bàn Văn A 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp buộc Bàn Văn A phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 322; điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Trần Văn C** 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 38; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Văn C 07 (Bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp buộc Trần Văn C phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.3. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 322; điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Hoàng Văn T** 01 (Một) năm 01 (Một) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Hoàng Văn T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 55 Bộ luật Hình sự (Theo tỷ lệ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù); tổng hợp buộc Hoàng Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.4. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 322; điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Bàn Văn L** 01 (Một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Bàn Văn L** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 55 Bộ luật Hình sự (Theo tỷ lệ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù); tổng hợp buộc Bàn Văn L phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 04 bị cáo trên.

2.5. Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Hoàng Thị Th** 12 tháng cải tạo không giam giữ.

2.6. Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Đặng Thị T** 09 tháng cải tạo không giam giữ.

2.7. Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Nguyễn Thị N** 09 tháng cải tạo không giam giữ.

2.8. Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Thị T1** 09 tháng cải tạo không giam giữ.

2.9. Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Nguyễn Thị Ng** 09 tháng cải tạo không giam giữ.

2.10. Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Văn Tr** 09 tháng cải tạo không giam giữ.

2.11. Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Văn Tr1** 09 tháng cải tạo không giam giữ.

2.12. Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Hoàng Thị X** 09 tháng cải tạo không giam giữ.

2.13. Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Thị H** 06 tháng cải tạo không giam giữ.

2.14. Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Văn N1** 06 tháng cải tạo không giam giữ.

2.15. Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Triệu Văn L** 06 tháng cải tạo không giam giữ.

2.16. Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trương Thị Ch** 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung; miễn khấu trừ một phần thu nhập sung quỹ Nhà nước đối với 12 bị cáo này.

Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Hoàng Thị Th, Đặng Thị T, Nguyễn Thị N, Triệu Thị T1, Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn N1, Triệu Văn L, Triệu Văn Tr, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Trương Thị Ch, Triệu Thị H tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị N, Triệu Thị T1, Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn Tr, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Triệu Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Tr T- huyện L- tỉnh Y giám sát, giáo dục.

Giao Đặng Thị T, Triệu Văn N1 cho Ủy ban nhân dân xã B- huyện YB- tỉnh Y giám sát, giáo dục.

Giao Triệu Văn L, Trương Thị Ch cho Ủy ban nhân dân xã T.Ng- huyện YB- tỉnh Y giám sát, giáo dục.

Gia đình 12 bị cáo trên có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo; trong trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại điều 68, điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

3- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền của các bị cáo, cụ thể như sau: Bàn Văn A 1.600.000 đồng; Trần Văn C 1.700.000 đồng; Trương Thị Ch 2.100.000 đồng; Triệu Văn L 2.550.000 đồng; Triệu Văn N1 2.450.000 đồng; Đặng Thị T 2.800.000 đồng (Xác nhận Đặng Thị T đã giao nộp số tiền này).

- Trả lại cho các bị cáo số tiền, cụ thể như sau: Hoàng Văn T 500.000 đồng; Trần Văn C 600.000 đồng; Bàn Văn L 700.000 đồng; Triệu Văn Tr1 400.000 đồng; Nguyễn Thị N 950.000 đồng; Nguyễn Thị Ng 550.000 đồng; Hoàng Thị Th 1.350.000 đồng; Hoàng Thị X 300.000 đồng; Triệu Thị T1 750.000 đồng; Triệu Văn Tr 400.000 đồng; Triệu Thị H 50.000 đồng.

(Số tiền 9.350.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Triệu Thị T1, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị N, Triệu Thị H, Triệu Văn Tr, Đặng Thị T, Hoàng Văn T, Trần Văn C, Bàn Văn L được niêm phong trong 12 chiếc phong bì sau khi giám định theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28-11-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y).

4- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 điều 12; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho 15 bị cáo gồm: Bàn Văn A, Hoàng Văn T, Bàn Văn L, Hoàng Thị Th, Đặng Thị T, Nguyễn Thị N, Triệu Thị T1, Nguyễn Thị Ng, Triệu Văn N1, Triệu Văn L, Triệu Văn Tr, Triệu Văn Tr1, Hoàng Thị X, Trương Thị Ch, Triệu Thị H.

5- Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; Sở Tư pháp;
- VKSND huyện; VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tr T- H.L;
- UBND xã B, xã T.Ng- H.YB;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu HS, T.A, THS, THAHS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Duy Đô